Sản phẩm bắt chước tinh vi tại Việt Nam: Chọn quyền tác giả hay kiểu dáng công nghiệp để thực thi quyền?

Trong các tranh chấp về bao bì, thiết kế thời trang, đồ gia dụng, nội thất… vấn đề không còn nằm ở những "bản sao thô", mà ở **sản phẩm bắt chước tinh vi**: đối thủ giữ nguyên "ấn tượng thị giác chủ đạo", nhưng điều chỉnh một vài chi tiết nhỏ để tạo cảm giác "khác đủ dùng" khi bị khiếu nại. Chính vùng xám này khiến nhiều chủ sở hữu quyền và cả đội ngũ pháp chế doanh nghiệp rơi vào thế khó: **nên khởi động cơ chế thực thi theo quyền tác giả hay dựa vào kiểu dáng công nghiệp**?

Lựa chọn đó không chỉ là câu chuyện "tên gọi" của quyền, mà là câu chuyện **gánh nặng chứng minh và tốc độ can thiệp**. Với quyền tác giả, nguyên đơn thường phải đi qua hai cửa ải: **tiếp cận** và **sao chép/tương tự về cơ bản**, trong đó trọng tâm là chứng minh hành vi sao chép đối với "hình thức thể hiện", không phải ý tưởng. Ngược lại, với kiểu dáng công nghiệp, trục đánh giá chuyển sang câu hỏi "đối tượng bị cáo buộc có **không khác biệt đáng kể** so với kiểu dáng được bảo hộ hay không", và yếu tố "sao chép" theo nghĩa chủ quan không còn là điều kiện quyết định. Do đó, chọn sai "đường vào" có thể khiến hồ sơ bị **đứt gãy logic**, kéo dài thời gian xử lý, thậm chí làm suy yếu vị thế thương lượng ngay từ đầu.

Trong bài viết này, KENFOX IP & Law Office không tranh luận "quyền nào mạnh hơn", mà tập trung làm rõ ba nhóm vấn đề trọng tâm: (i) phân định bản chất quyền và phạm vi bảo hộ giữa quyền tác giả (tác phẩm mỹ thuật ứng dụng - **TPMTUD**) và kiểu dáng công nghiệp (**KDCN**); (ii) hệ thống hóa các tiêu chí nhận diện hành vi xâm phạm và tiêu chí lựa chọn căn cứ thực thi trong các tình huống "bắt chước tinh vi"; và (iii) đề xuất cấu trúc chiến lược chứng cứ - giám định - lựa chọn biện pháp (hành chính/dân sự) nhằm nâng xác suất được chấp nhận xử lý, rút ngắn thời gian giải quyết và tối ưu tổng chi phí thực thi.

1. Cơ sở pháp lý và bản chất quyền: "tự động" của bản quyền vs. "văn bằng" của kiểu dáng

Về cơ chế xác lập, **quyền tác giả** phát sinh **tự động** kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, **không phụ thuộc** vào việc đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. Ở góc độ tranh tụng, điểm cần nhấn mạnh không phải là "đăng ký hay không", mà là **gánh nặng chứng minh**: Luật xác nhận việc nộp hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả **không phải thủ tục bắt buộc**, nhưng nếu đã có Giấy chứng nhận thì chủ thể được suy đoán/giả định về quyền và "không có nghĩa vụ chứng minh" khi có tranh chấp (trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại). Do đó, trong các vụ "bắt chước tinh vi" (sao chép có điều chỉnh), đăng ký bản quyền không tạo ra quyền mới, nhưng có thể **tối ưu vị thế tố tụng** bằng cách rút ngắn vòng tranh luận về chủ thể quyền và thời điểm phát sinh quyền.

Ngược lại, **quyền đối với KDCN** thuộc nhóm quyền sở hữu công nghiệp được xác lập **trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ** theo thủ tục đăng ký (hoặc công nhận đăng ký quốc tế). Vì vậy, nếu doanh nghiệp chỉ dựa vào "bản quyền" mà không "xác lập độc quyền" cho KDCN kịp thời, rủi ro không nằm ở chỗ "mất quyền tác giả", mà nằm ở **mất lợi thế độc quyền theo văn bằng** và/hoặc tạo điều kiện cho đối thủ giành **lợi thế thủ tục** (có văn bằng để thực thi trước, khiến chủ thể thực sự phải chuyển sang thế phòng thủ bằng phản đối/hủy bỏ). Rủi ro này đặc biệt đáng kể vì KDCN chịu sự chi phối nghiêm ngặt của **tính mới**: kiểu dáng sẽ bị đánh giá dựa trên việc đã bị bộc lộ công khai trước ngày nộp đơn hay chưa, dù luật có quy định một số ngoại lệ "ân hạn" 06 tháng trong các trường hợp công bố nhất định.

2. Đối tượng bảo hộ: "Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng" so với "hình dáng bên ngoài của sản phẩm" - giống bề ngoài nhưng khác logic bảo hộ

Dưới góc độ đối tượng bảo hộ, **tác phẩm mỹ thuật ứng dụng** là đối tượng của quyền tác giả: trọng tâm là **phần thể hiện mang tính thẩm mỹ** (đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục…) gắn với một đồ vật hữu ích; và pháp luật loại trừ phần tạo dáng bắt buộc phải có do chức năng. Trong khi đó, **KDCN** được định nghĩa là **hình dáng bên ngoài của sản phẩm (hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp)**, thể hiện bằng hình khối/đường nét/màu sắc hoặc sự kết hợp và **nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng**.

Điểm mấu chốt về **phạm vi bảo hộ** (để phục vụ chiến lược kiện tụng) là: bản quyền bảo hộ **hình thức thể hiện** và thường đặt trọng tâm vào logic **sao chép**; còn KDCN bảo hộ **hình dáng bên ngoài như được xác lập bằng Bằng độc quyền KDCN**, và trong thực thi, trọng tâm thường là so sánh **tổng thể/đặc điểm tạo dáng** theo chuẩn "khác biệt đáng kể/không khác biệt đáng kể", ít phụ thuộc vào việc bên kia có "tự sáng tạo độc lập" hay không. Vì thế, trong các vụ bắt chước tinh vi, KDCN thường cho phép chủ sở hữu tấn công trực diện hơn vào "tổng thể hình dáng" của sản phẩm, còn bản quyền có ưu thế khi bạn chứng minh được đối thủ đã "đi vào" phần thể hiện cụ thể (hoa văn, bố cục, tạo hình mỹ thuật) và biến tấu ở mức khó nhận biết bằng mắt thường.

Mặc dù có vẻ trùng lặp về **diện mạo thẩm mỹ**, TPMTUD và KDCN khác nhau về **bản chất bảo hộ**. Quyền tác giả bảo hộ **"hình thức thể hiện"** của tác phẩm – tức là phần **sáng tạo nghệ thuật cụ thể** (đường nét, họa tiết, bố cục màu sắc…) đã định hình trên sản phẩm. Bản quyền **không bảo hộ ý tưởng hoặc nội dung kỹ thuật** nằm sau tác phẩm, cũng không bao hàm phần công năng của đối tượng. Ngược lại, bảo hộ KDNC nhằm độc quyền hóa **ý tưởng thiết kế về hình dáng sản phẩm** ở mức độ tổng thể. Nói cách khác, Bằng độc quyền KDCN bảo hộ **"nội dung sáng tạo"** của hình dáng sản phẩm, cho phép chủ sở hữu ngăn cấm người khác sử dụng **ý tưởng tạo dáng đó** cho sản phẩm tương tự.

Ví dụ, TPMTUD giống như một bức tranh trên chiếc bình – luật chỉ bảo vệ bức tranh (hoa văn, màu sắc) chứ không bảo vệ cái bình hay ý tưởng trang trí. Còn KDCN bảo vệ chính cái bình đó - tức **hình dáng tổng thể** của sản phẩm với cả hoa văn, hình khối – miễn đó là sáng tạo mới. Chính vì vậy, **phạm vi bảo hộ** của quyền kiểu dáng rộng hơn về mặt ý tưởng thiết kế, còn quyền tác giả thì giới hạn ở **phần thể hiện cụ thể**. Hệ quả là **thời hạn bảo hộ** cũng khác nhau: TPMTUD được bảo hộ 75 năm (hoặc lên đến 100 năm nếu chưa công bố trong 25 năm đầu), còn KDCN chỉ tối đa 15 năm. Sau khi văn bằng KDCN hết hiệu lực, kiểu dáng rơi vào công chúng, nhưng nếu đó đồng thời là TPMTUD đủ nguyên gốc thì bản quyền có thể vẫn còn hiệu lực (một tình huống giao thoa hiếm nhưng có thể xảy ra).

3. Tiêu chí xác định hành vi xâm phạm: "Sao chép" (bản quyền) so với "không khác biệt đáng kể" (KDCN)

Để **xác định hành vi xâm phạm**, cần xem xét tiêu chí pháp lý khác nhau giữa quyền tác giả và quyền kiểu dáng. Đây là trọng tâm trong việc định hình và triển khai chiến lược tố tụng.

Quyền tác giả: Yếu tố "tiếp cận" và "sao chép/tương tự về cơ bản"

Trong cơ chế quyền tác giả, **xâm phạm về bản chất là xâm phạm đối với phần "hình thức thể hiện" thuộc** phạm vi bảo hộ **của tác phẩm**, chứ không phải "ý tưởng". Nghị định 17/2023/NĐ-CP đặt ra logic đánh giá rất rõ: (i) xác định **phạm vi bảo hộ theo hình thức thể hiện bản gốc**, (ii) xem xét **tính nguyên gốc** và **sự thể hiện/biểu hiện của ý tưởng (không phải ý tưởng thuần túy)**, và (iii) khi đối chiếu tác phẩm/bản sao bị nghi ngờ với tác phẩm gốc thì phải tính đến **thời điểm hoàn thành** và **khả năng tiếp cận.**

Từ khung pháp lý đó, trong tranh tụng, "sao chép" thường **không được thừa nhận bằng lời**, mà được **suy luận** qua hai "trụ chứng cứ" có tính kỹ thuật:

- **(A) Khả năng tiếp cận (access):** bị đơn có cơ hội hợp lý để biết/nhìn thấy tác phẩm gốc trước khi tạo ra sản phẩm bị nghi ngờ (tác phẩm đã công bố; trưng bày; lưu hành trên kênh phân phối; quan hệ gia công–thiết kế; tiếp cận file thiết kế, v.v.). Đây không phải "điều kiện hình thức", nhưng là **mấu chốt suy luận** mà pháp luật yêu cầu phải được xem xét.
- **(B) Tương tự về cơ bản ở phần được bảo hộ:** mức độ trùng lặp phải rơi vào **phần nguyên gốc** (creative choices) của tác phẩm gốc, không phải mô-típ phổ biến, chi tiết do chức năng/kỹ thuật chi phối hay yếu tố không được bảo hộ. Pháp luật cũng ghi nhận bản sao bị coi là yếu tố xâm phạm khi "sao chép một phần hoặc toàn bộ" tác phẩm đang được bảo hộ, hoặc khi tác phẩm/"phần tác phẩm" thực chất là một phần hoặc toàn bộ tác phẩm đang được bảo hộ của người khác.

Hệ quả chiến lược rất rõ ràng: **nếu bị đơn chứng minh được họ tự tạo ra thiết kế một cách độc lập** (không hề biết, không hề tiếp cận tác phẩm gốc) **hoặc** đưa ra được các chứng cứ làm "đứt" mạch suy luận rằng *họ đã tiếp cận tác phẩm gốc rồi mới tạo ra sản phẩm tương tự*, thì yếu tố **"sao chép"** – vốn là điều kiện cốt lõi trong xâm phạm quyền tác giả - **sẽ khó được xác lập**, và yêu cầu của nguyên đơn vì vậy dễ bị bác bỏ. Ngược lại, khi nguyên đơn thiết lập được trình tự thời gian (tác phẩm gốc có trước, bị đơn có khả năng tiếp cận) cùng các điểm trùng lặp mang tính "khó ngẫu nhiên" trong phần nguyên gốc, cơ quan giải quyết có cơ sở vững chắc để xác định hành vi xâm phạm theo đúng logic của Điều 66 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

Kiểu dáng công nghiệp: Nguyên tắc "không khác biệt đáng kể" và đánh giá tổng thể

Với kiểu dáng công nghiệp, tiêu chí xâm phạm **không đặt trọng tâm vào việc bị đơn có "sao chép" hay không**, mà đặt vào câu hỏi: **hình dáng bên ngoài của sản phẩm bị xem xét có trùng/không khác biệt đáng kể so với phạm vi bảo hộ của KDCN hay không**.

Về căn cứ luật định, hành vi bị coi là xâm phạm khi **sử dụng KDCN được bảo hộ hoặc kiểu dáng "không khác biệt đáng kể" với kiểu dáng đó trong thời hạn hiệu lực văn bằng mà không được phép của chủ sở hữu**.

Nghị định 65/2023/NĐ-CP làm rõ theo cách "dễ áp dụng" hơn: **một sản phẩm (hoặc bộ phận của sản phẩm phức hợp) bị coi là xâm phạm KDCN** khi hình dáng bên ngoài của nó **trùng hoặc không khác biệt đáng kể** so với kiểu dáng đang được bảo hộ. Khi đánh giá, cơ quan xử lý **không so sánh theo cảm tính**, mà phải dựa trên **phạm vi bảo hộ ghi trong văn bằng** (Bằng độc quyền KDCN; hoặc quyết định chấp nhận bảo hộ đối với KDCN đăng ký quốc tế; hoặc trích lục từ sổ đăng ký).

Điểm mấu chốt khi xử lý tranh chấp kiểu dáng là phải hiểu đúng thế nào là **"không khác biệt đáng kể"** vì đây chính là tiêu chí quyết định có xâm phạm hay không.

- **Theo Luật SHTT:** Hai kiểu dáng **không được xem là khác biệt đáng kể** nếu chúng chỉ khác nhau ở vài chi tiết **nhỏ, khó nhận ra, khó ghi nhớ**, và những chi tiết đó **không đủ tạo ra cảm giác "khác" khi nhìn tổng thể**. Nói ngắn gọn: khác ở tiểu tiết nhưng **tổng thể vẫn giống** thì vẫn bị coi là "không khác biệt đáng kể".
- **Theo Nghị định 65/2023/NĐ-CP (khi áp dụng thực thi):** Một sản phẩm bị coi là **"không khác biệt đáng kể"** nếu khi nhìn tổng thể, **tập hợp các đặc điểm tạo dáng** của nó cho ra một hình dáng **về cơ bản là bản sao** của kiểu dáng được bảo hộ, tức là **gần như không thể phân biệt** với kiểu dáng đã đăng ký, hoặc người quan sát thông thường **rất khó nhận ra sự khác nhau**.

Từ đó, chuẩn đánh giá trong thực tiễn thường vận hành theo "ấn tượng thị giác tổng thể" dưới góc nhìn người quan sát thông thường: **khác biệt chỉ nằm ở tiểu tiết khó nhận ra** hiếm khi đủ để giúp bị đơn thoát trách nhiệm; ngược lại, **khác biệt rõ ở cấu trúc/đặc điểm tạo dáng chủ đạo làm đổi ấn tượng tổng thể** mới là nền tảng để lập luận "khác biệt đáng kể". Và quan trọng nhất về chiến lược: **ý định chủ quan** (cố ý hay vô tình) và cả lập luận "tôi tự thiết kế, không hề biết" **không phải là lập luận quyết định** như trong quyền tác giả, vì độc quyền KDCN là độc quyền "đối vật" (tức là, quyền độc quyền gắn với **chính kiểu dáng đã được bảo hộ**), hướng tới loại trừ mọi hành vi sử dụng kiểu dáng trùng/tương đương trong thời hạn bảo hộ.

4. Vùng giao thoa và xung đột: Chọn cơ chế nào khi quyền chồng lấn?

Trong nhiều trường hợp, **một đối tượng thiết kế có thể đồng thời được bảo hộ** bởi cả quyền tác giả (TPMTA) và KDCN. Điều này tạo ra **vùng giao thoa đáng quan tâm** nhưng cũng tiềm ẩn **xung đột** trong chiến lược thực thi quyền. Trong một tình huống có thể xảy ra trên thực tế như sau: Nhà thiết kế Medson tạo ra mẫu hình dáng một chai nước hoa độc đáo, vừa có tính mỹ thuật cao (thỏa mãn TPMTUD), vừa có tính mới chưa xuất hiện trên thị trường (đủ điều kiện đăng ký KDCN). Medson đã công bố mẫu chai ra công chúng và đăng ký **Bản quyền tác giả** cho thiết kế này, nhưng **chưa kịp đăng ký KDCN**. Sau đó, Công ty Infit sản xuất một loại nước hoa với chai có hình dáng **gần như y hệt** thiết kế của Medson.

Trong tình huống trên, **Medson nên kiện Infit theo cơ chế nào?** Vì Medson chưa có Bằng KDCN, lựa chọn duy nhất của Medson là **khởi kiện xâm phạm quyền tác giả** đối với TPMTUD (hình dáng chai nước hoa). Medson phải chứng minh được Infit đã **sao chép** thiết kế chai của mình: thông qua việc chỉ ra hai mẫu chai **trùng lặp các đường nét, tỉ lệ** đặc trưng, và thực tế Infit có thể đã nhìn thấy sản phẩm của Medson (do Medson đã công bố trước đó). Nếu thắng kiện, Medson có thể được **bồi thường thiệt hại** và buộc Infit chấm dứt hành vi sao chép. Tuy nhiên, trường hợp này cũng bộc lộ **nhược điểm**: nếu Infit phản biện rằng họ tự thiết kế độc lập hoặc có chỉnh sửa chút ít (ví dụ thêm thắt hoa văn) và cho rằng **không sao chép** ý tưởng của Medson, tranh chấp sẽ trở nên phức tạp. Tòa án sẽ phải xem xét kỹ về **mức độ tương tự** và khả năng Infit có truy cập thiết kế của Medson hay không – quá trình chứng minh không hề dễ dàng.

Ngược lại, giả sử Medson **đã có Bằng độc quyền KDCN** cho hình dáng chai trước khi Infit tung sản phẩm. Lúc này, Medson có thể **yêu cầu xử lý xâm phạm kiểu dáng**. Với văn bằng trong tay, Medson chỉ cần chứng minh chai của Infit **"không khác biệt đáng kể"** so với kiểu dáng được bảo hộ của mình (thông qua so sánh hình ảnh, hoặc kết luận giám định của VIPRI nếu cần). **Ý kiến chuyên gia** từ VIPRI sẽ rất hữu ích: nếu kết luận xác nhận "hình dáng chai của B xâm phạm KDCN của Medson", các cơ quan chức năng (ví dụ Thanh tra Bộ KHCN, Quản lý thị trường) có cơ sở vững chắc để xử lý. Infit khi đó khó bào chữa bằng lập luận "tự sáng tạo" vì luật không xét đến yếu tố sao chép trong vi phạm KDCN. Phương án này thường **nhanh gọn hơn**: Medson có thể đề nghị **cơ quan quản lý thị trường** hoặc **Thanh tra KHCN** kiểm tra và **thu giữ sản phẩm vi phạm** của Infit mà không nhất thiết phải khởi kiện tòa án ngay, nhờ có **văn bằng bảo hộ** làm căn cứ pháp lý rõ ràng.

Từ ví dụ trên, có thể rút ra **ưu và nhược điểm** của từng phương án:

- **Kiện xâm phạm quyền tác giả:** Ưu điểm là **không cần văn bằng**, có thể áp dụng linh hoạt cho nhiều loại thiết kế sáng tạo (kể cả khi đã công bố từ lâu). Thủ tục khởi kiện dân sự về bản quyền tương đối **mở** về chứng cứ (chỉ cần chứng minh mình là tác giả hoặc chủ sở hữu hợp pháp, có thể nhờ đăng ký bản quyền làm bằng chứng thời điểm). Thời hạn bảo hộ dài (75 năm) cũng cho phép bảo vệ tác

phẩm lâu dài. Tuy nhiên, nhược điểm là **gánh nặng chứng minh hành vi sao chép** thuộc về nguyên đơn: phải chứng minh đối phương **đã sao chép** tác phẩm của mình một cách **trái phép**. Việc này đòi hỏi bằng chứng thuyết phục (về mức độ giống nhau, về khả năng tiếp cận của bị đơn). Nếu đối phương biến tấu hoặc thiết kế lại khác đi một chút, chủ thể quyền tác giả có thể **khó chứng minh** đó là "bản sao về thực chất". Ngoài ra, thủ tục xử lý hành chính đối với vi phạm bản quyền trong lĩnh vực thiết kế công nghiệp chưa thực sự hiệu quả; đa phần trường hợp phải **khởi kiện dân sự** hoặc **thỏa thuận**.

- **Kiện xâm phạm kiểu dáng công nghiệp:** Ưu điểm nổi bật là **hiệu lực độc quyền mạnh mẽ**: chỉ cần đối phương sử dụng sản phẩm có kiểu dáng "hao hao" giống (substantially similar) là đủ cấu thành xâm phạm, **không cần chứng minh hành vi sao chép** hay ý đồ của họ. Chủ sở hữu có thể **yêu cầu biện pháp hành chính** quyết liệt (tịch thu, tiêu hủy hàng vi phạm) nhờ có văn bằng bảo hộ. Việc chứng minh cũng nhẹ nhàng hơn – so sánh trực quan hai sản phẩm, kết hợp với kết luận giám định kỹ thuật, thường dễ thuyết phục cơ quan chức năng. Nhược điểm của cơ chế này là **điều kiện đầu vào**: phải **đăng ký và được cấp bằng** trước đó. Quy trình đăng ký tốn thời gian, chi phí, và nếu lỡ công bố sản phẩm quá sớm có thể mất luôn khả năng đăng ký (mất tính mới). Văn bằng KDCN cũng có **thời hạn ngắn** (phải gia hạn sau mỗi 5 năm, tối đa 15 năm) – hết thời hạn đó, kiểu dáng sẽ không còn được độc quyền, trong khi bản quyền có thể vẫn còn nếu tác phẩm đủ sáng tạo. Thêm nữa, quyền KDCN giới hạn **phạm vi lãnh thổ** (chỉ bảo hộ tại Việt Nam trừ khi đăng ký quốc tế mở rộng), còn quyền tác giả thì được bảo hộ theo Công ước Bern ở nhiều nước mà không cần đăng ký.

Từ góc độ chiến lược, nếu một doanh nghiệp sở hữu một thiết kế sản phẩm có giá trị thương mại cao (ví dụ kiểu dáng **nội thất, thời trang, bao bì đặc trưng** của thương hiệu), **tối ưu nhất là kết hợp cả hai hình thức bảo hộ**. **Đăng ký KDCN** đảm bảo độc quyền ngay lập tức trong kinh doanh, dễ dàng xử lý các bản sao "ăn theo" trên thị trường. Song song đó, **đăng ký quyền tác giả** (hoặc chí ít lưu giữ bằng chứng sáng tạo) làm nền tảng cho các tình huống pháp lý khác, ví dụ: bảo hộ ở những quốc gia chưa kịp đăng ký kiểu dáng, hoặc duy trì quyền sau khi bằng KDCN hết hiệu lực. Sự **"chồng lấn"** này vừa tạo **mạng lưới bảo vệ dày** cho tài sản trí tuệ, vừa tạo **linh hoạt** cho chủ sở hữu quyền trong việc lựa chọn **căn cứ khởi kiện** phù hợp hoàn cảnh.

Kết luận

Trong các vụ "bắt chước tinh vi", câu hỏi đúng không phải là "quyền nào mạnh hơn", mà là **quyền nào phù hợp hơn với cấu trúc chứng cứ và mục tiêu thực thi** ở thời điểm cụ thể. Nếu bạn có văn bằng kiểu dáng còn hiệu lực và đối tượng bị cáo buộc vẫn giữ lại các **đặc điểm tạo dáng cơ bản**, tạo ra cùng "ấn tượng tổng thể" với sản phẩm gốc, thì trục "không khác biệt đáng kể" của kiểu dáng công nghiệp thường là con đường **ngắn - mạnh - dễ triển khai hành chính** hơn. Ngược lại, nếu thiết kế bị xâm phạm chủ yếu nằm ở **họa tiết/đồ họa/bố cục mỹ thuật** (đặc biệt khi đối thủ thay đổi hình khối nhưng "ăn cắp" phần thể hiện sáng tạo), hoặc khi bạn chưa kịp/không thể đăng ký kiểu dáng, thì quyền tác giả trở thành nền tảng quan trọng, nhưng phải bước vào tiến trình tố tụng đúng bản chất: **chứng minh tiếp cận và sao chép/tương tự về cơ bản**, bóc tách phần sáng tạo được bảo hộ khỏi ý tưởng và các yếu tố phổ biến.

Đừng để tranh chấp buộc bạn lựa chọn trong thế bị động. Với những thiết kế có giá trị thương mại, cách tiếp cận tối ưu thường là **bảo hộ "kép"** (đăng ký kiểu dáng + đăng ký quyền tác giả/chuẩn hóa hồ sơ sáng tạo), đồng thời chuẩn bị sẵn "đường băng chứng cứ" gồm: tài liệu thiết kế gốc, mốc thời gian công bố, dữ liệu thị trường, mẫu so sánh, và cơ chế giám định phù hợp (đặc biệt là giám định tại Viện SHTT Quốc gia đối với kiểu dáng và giám định tại Trung tâm Giám định quyền tác giả, quyền liên quan đối với bản quyền). Khi xảy ra xâm phạm, mục tiêu không chỉ là "đúng luật", mà là **tối đa hóa khả năng được chấp nhận xử lý nhanh, tạo sức ép đủ mạnh để chấm dứt hành vi và kiểm soát thiệt hại**.

Với 15 năm hoạt động và vị thế đã được khẳng định trong lĩnh vực Sở hữu Trí tuệ, **KENFOX IP & Law Office** hiểu rõ những thách thức pháp lý liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền đối với các thiết kế ứng dụng. Chúng tôi không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác lập và đăng ký quyền đối với Kiểu dáng Công nghiệp và Quyền tác giả, mà còn xây dựng các **chiến lược tư vấn và tranh tụng chuyên sâu**, tập trung vào việc nhận diện và chứng minh các **"yếu tố sáng tạo cốt lõi"** - yếu tố then chốt để bảo vệ hiệu quả tài sản thiết kế và tối ưu hóa khả năng thành công trong các vụ tranh chấp xâm phạm phức tạp.

.

Nguyễn Vũ Quân | Partner, IP Attorney

Contact
KENFOX IP & Law Office
Building No. 6, Lane 12/93, Chinh Kinh Street, Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 3724 5656
Email: info@kenfoxlaw.com / kenfox@kenfoxlaw.com